

TRẦN QUANG-KEÁI
Giáo-viên Tiểu-Học

★

TẬP LÀM VĂN

(55 BÀI LUẬN MẪU)

LỚP NHÌ

★

Nhà xuất-bản SÔNG MỜI
30B, Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

sông  mòi

Giá: 45 đ.

In tại nhà in riêng của nhà xuất bản
G.P. số 674/TBTTCH/BC3/XB ngày 10-3-67

LỜI NÓI ĐẦU

Muốn khá về môn Toán, các em học-sinh gắng công trong ba tháng đã thấy kết-quả. Trái lại, muốn khá về môn Luận, các em phải gắng công đến một năm. Bởi vậy, các em thích dễ công học toán hơn là tập làm văn. Trong một lớp ở trường tiểu-học, chúng năm chục học-sinh, có thể ba mươi em làm đúng toán về bài luận, chỉ hai em học-sinh, có thể ba mươi em làm đúng toán về bài luận. Rồi từ đây lên các lớp trên, các em kém mãi về môn luận là môn rất quan-hệ trong các kỳ thi cũng như ở lớp học. Sau đây, tôi xin liệt kê các em mấy điều cần-thiết về môn tập làm văn.

I. VỀ Ý - TƯỞNG

a) Đọc kỹ đầu bài.

Đọc kỹ đầu bài để khỏi nhầm. Nhầm đầu bài rất dễ khi làm bài lạc đề sẽ phạm lỗi rất nặng. Có đọc kỹ đầu bài mới ý-thức rõ-rệt bài ấy thuộc về thể văn nào, nhiên-hậu mới chia bài ra từng đoạn để cho dễ làm.

b) Phân ý chính, ý phụ.

Bài nào cũng có phần chính, phần phụ. Phần chính thì nói kỹ, nói tỉ-mỉ, còn phần phụ chỉ nói sơ-lược. Có như vậy thì ý-tưởng mới đi sát vào bài, tránh được lỗi nói bong-lồng, vô-ích.

c) Nếu ra những đặc-diểm.

Từ cảnh chỉ cần nêu ra cái đặc-sắc về hình-thể, về màu sắc để tỏ ra mình có con mắt quan-sát và biết nhận-xét cảnh-vật, chứ đừng kể-lẽ hết vật nọ vật kia một cách dài dòng vô-ích. Thí-dụ, ta muốn làm một cái nhà, các vật liệu sẵn có phải được nối liền với nhau một cách tinh-vi cho có mỹ-thuật, chứ để lủng-củng, bề-bộn đầy từng đống một, phỏng có ích gì!

d) Gọi đến các giác-quan.

Từ cảnh là tả đủ các màu sắc, nói ra các âm-thanh, diễn ra các hương-vị, phở ra các thể-chất. Như vậy người đọc vẫn tự coi như chính mình được tiếp-xúc với cảnh vật.

e) Biết so-sánh.

Trong đoạn văn tả cảnh sự so-sánh là quan-trọng. Nó làm cho đoạn văn thêm linh-dộng, thêm vẻ đẹp. Nhưng muốn so-sánh cho đúng cần phải có con mắt quan-sát và biết nhận-xét.

g) Áp-dụng những câu ca-đạo, tục-ngữ.

Trong ca-đạo, tục-ngữ của ta có nhiều câu rất thích-hợp với cảnh, với người, với vật. Nếu khéo áp-dụng những câu ca-đạo, tục-ngữ thì văn càng thêm hay, hay ở chỗ lời ngắn mà ý nhiều.

h) Ý-trường rõ-rệt.

Khi hạ bút viết phải xếp đặt trong óc những ý gì muốn nói. Ý-trường có xác-đáng, rõ-rệt thì người đọc mới hiểu ý của mình đúng hay sai. Nếu ý không rõ-rệt thì lời cũng không thể rõ-ràng, như thế là tối nghĩa.

i) Ý-trường phải liên-tục.

Trong một bài văn, câu nọ với câu kia, đoạn trên với đoạn dưới, từ câu mở bài đến thân bài, đến câu kết phải dính liền với nhau. Chỗ chuyển-tiếp ấy làm cho văn hay bao nhiêu thì tìm cho được câu chuyển-tiếp cũng phải lộn công bấy nhiêu.

k) Kết-luận ăn vào bài.

Câu kết-luận phải ăn sát vào đầu đề. Câu kết bông-lỏng, nhạt-nhẽ sẽ làm giảm giá bài văn rất nhiều. Trái lại, câu kết đậm-đá thân-mật sẽ làm cho người đọc thêm nhiều thiện-cảm. Có khi làm cho người xem văn phải đọc lại cả bài để đánh giá cho công-bằng, xứng-đáng.

l) Thêm ý thiếu, bớt ý thừa.

Làm bài phải ráp cùn-thận, ráp xong đọc đi đọc lại xem có thiếu ý gì thì thêm vào, ý nào thừa-vống, vô-ích thì bỏ đi. Trong khi làm bài, có nhiều ý thiếu sót, có nhiều ý mới nghĩ lời đã viết vào giấy, có nhiều ý này-nở tự-nhiên mà không đúng chỗ, cũng có nhiều ý đã nói rồi lại nhắc lại. Bởi vậy, bài ráp xong phải soát lại để ý trên ăn khớp với ý dưới. Cần nhắc xem bài làm thế là vừa hay dài quá hoặc ngắn quá. Ở lớp Nhì, một bài luận dài độ ba chục dòng là tốt đã.

II. VỀ LỜI VĂN

a) Câu đặt gọn.

Câu đặt gọn thì lời văn mới rõ-ràng. Lời có rõ-ràng mới diễn-đạt được ý-trường. Ý-trường hay đến đâu mà lời văn không gãy-gợn thì ý-trường cũng vô giá-trị. Kinh-nghiệm cho biết một số học sinh lớp Nhì văn chưa biết đặt câu. Đôi khi các em đặt câu dài quá. Câu dài qua thành ra lủng-cũng, tối nghĩa.

b) Bỏ bớt những tiếng « thì, mà, và, rồi ».

Muốn đặt câu gọn-gàng phải bỏ bớt những tiếng « thì, mà, và, rồi ». Một câu có hai ba tiếng « thì, mà » thành ra nặng-nề, lủng-cũng, non-nớt và tối nghĩa.

e) Chấm câu đúng chỗ.

Chấm câu phải đúng chỗ thì câu văn mới rõ nghĩa. Một câu thiếu dấu phẩy, dấu chấm hay không có dấu sẽ thành ra vô nghĩa hoặc sai hẳn nghĩa. Bởi vậy có người đã nói: « Diệt chấm cỡ» tức là Liệt viết văn ».

d) Dùng chữ khéo.

Trong một bài văn thanh-thoảng mới được một câu hay. Câu ấy hay là nhờ ở một vài chữ khéo dùng. Một động-từ hay một tính-từ khéo dùng sẽ làm cho câu văn nổi bật lên. Nó làm cho người đọc cảm-giác như nhìn thấy một đồng-tác, một sắc đẹp, như nghe thấy một âm-thanh, như ngửi thấy một mùi thơm, như nếm được một vị ngọt.

e) Viết đúng chính-tả.

Những chữ viết sai chính-tả làm cho câu văn sai hẳn nghĩa, có khi thành ra vô nghĩa. Đến ngay các dấu giọng cũng vậy, có khi chỉ sai một cái dấu mà người đọc không hiểu ra sao.

g) Đọc lại từng câu.

Mỗi câu viết xong sẽ được đọc lại xem có gọn-gàng không, có xuôi tay không. Nếu thấy câu dài quá thì ngắt bớt. Nếu thấy câu lủng-cũng, tối nghĩa thì sửa lại. Cũng ở bản ráp, phần trên về ý-trường thì hết bài mới sửa lại, mà ở đây, phần lời văn thì sửa luôn từng câu một.

TẢ ĐỒ VẬT

DÀN BÀI CHUNG

MỞ BÀI : Đồ-vật đề ở đâu ? Cũ hay mới ? Mua từ bao giờ ? Của ai cho ?

THÂN BÀI :

- a) Hình-thể
- b) Kích thước : Dài, rộng, cao, bao nhiêu ?
- c) Màu-sắc : Mới hay cũ, ? Toàn sắc hay pha sắc ?
- d) Các bộ-phận : Có những bộ-phận nào ? Mỗi bộ-phận có gì nối liền vào nhau ?
- e) Ích-lợi.
- g) Cách giữ-gìn.

KẾT-LUẬN : Cảm-tưởng của em đối với vật ấy.

★

BÀI 1

Tả cái bảng đen

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái bảng đen kê ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Bảng hình gì ? Dài, rộng bao nhiêu ?
- b) Mặt bảng thế nào ? Nhẵn hay ráp ? Nặng hay nhẹ ? Do mấy mảnh gỗ ghép lại ? Mặt bảng sơn màu gì ? Có xoay đi xoay lại được không ?
- c) Giá bảng thế nào ?
- d) Ích-lợi : Thầy giáo làm gì trên bảng ? Học-trò làm gì ?
- e) Lau bảng bằng gì ?

KẾT-LUẬN : Cảm-tưởng của em đối với cái bảng ?

BÀI LÀM

Trong lớp học em, cái bảng đen được kê cạnh bàn giấy của thầy giáo ngay trước mặt chúng em.

Bảng hình chữ nhật, dài chừng một thước bốn tấc, rộng chừng một thước.

Mặt bảng là ba mảnh gỗ đầu nhẹ-nhàng, mỏng-mạnh ghép sát nhau. Mặt bảng nhìn thìn, sơn đen bóng loáng làm nổi bật lên những nét phấn trắng tinh. Những anh ngồi cuối lớp cũng nhìn rõ chữ. Chung-quanh mặt bảng đóng nẹp cho chắc-chắn, mặt bảng dính vào khung bằng bốn cái chốt, xoay đi xoay lại dễ-dàng, nên viết được cả hai mặt.

Mặt bảng dựng trên cái giá bằng gỗ lim, có hai chân to và chắc.

Thầy-giáo vừa giảng bài vừa lần lượt ghi lên bảng tất cả những điều cần-thiết. Vừa nhìn lên bảng vừa lắng tai nghe, chúng em đã thuộc được nửa bài học. Mỗi khi em được gọi lên bảng làm tính mà được thầy khen, sao mà sướng thế !

Sau mỗi lần viết xong, chúng em lau bảng bằng một miếng giẻ ẩm cho bụi phấn khỏi bay tung.

Bảng cần thiết biết chừng nào ! Giả thử trong lớp học không có bảng-đen; thầy và trò đành chịu khoan tay.

Chúng em coi cái bảng như một bạn chí-thần. Hình như nó thăm khuyển chúng em : « Anh em chúng mình cố gan-đua cho vượt các lớp khác nhé ! »

★

BÀI 2

Cái bàn giấy của thầy-giáo em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái bàn giấy của thầy-giáo em kê ở đâu ?

THÂN BÀI :

a) Mặt bàn hình gì ? Dài, rộng bao nhiêu ? Chân bàn cao độ bao nhiêu ?

- b) Bàn có mấy ngăn ? Mỗi ngăn khác nhau thế nào ? Mỗi ngăn đựng gì ?
- c) Trên mặt bàn trái một cái khăn phủ bàn bằng gì ? Màu gì ?
- d) Trên mặt bàn bày những gì ? (Lọ hoa, sổ sách, bút mực).
- e) Thầy-giáo cần bàn giấy làm gì ? Thầy gọi học-trò lên bàn giấy làm gì ?
- g) Hằng ngày các em lau bàn giấy thế nào ?

KẾT-LUẬN : Nhìn lên bàn giấy các em có cảm-tưởng gì ?

BÀI LÀM

Bàn giấy của thầy-giáo kê vào khoảng giữa hai cái bảng đen, đối diện với chúng em.

Mặt bàn hình chữ nhật, dài dờ hơn một thước, rộng độ tám mươi phân. Mặt bàn là hai miếng gỗ ghép lại, đánh xi bóng loáng. Chân bàn cao độ bảy mươi phân.

Dưới mặt bàn có hai ngăn : Ngăn bên phải có cửa khóa để vở thi của chúng em. Ngăn bên trái để sổ sách của thầy-giáo. Ngăn này thấp hơn, mở ra đóng vào rất tiện.

Mỗi buổi sáng, dọi trực-nhật phủ lên mặt bàn một cái khăn bằng ni-lông màu xanh nhạt. Giữa bàn bày một cái lọ thủy-tinh cắm vài cành hoa đỏ chói, điểm mấy lá xanh rờn. Hai bên bày sổ sách, bút mực của thầy-giáo.

Thầy-giáo ngồi ở bàn giấy vừa giảng bài vừa trông coi cả lớp. Ở đây thầy ghi điểm, thầy soát bài, thầy gọi học-trò lên khuyển-nhủ một vài câu.

Chúng em qui cái bàn giấy hơn cái bàn riêng của chúng em. Hằng ngày chúng em thay phiên nhau lau bàn giấy bằng cái giẻ ẩm.

Đôi khi thầy ra khỏi lớp mà lớp học vẫn im phăng-phắc. Lúc ấy, nhìn lên bàn giấy trong óc chúng em vẫn hình-dung đến những cử-chỉ nghiêm-trang của Thầy.

★

BÀI 3

Tả cái bảng danh-dự của lớp em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái bảng danh-dự treo ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Bảng bằng gì ? Hình gì ? Khung thế nào ? Dài, rộng bao nhiêu cen-ti-mét ?
- b) Trên bảng viết chữ gì ? Chữ thế nào ? Vẽ hình gì ? Màu gì ?
- c) Những màu bìa con ghi tên ai ? Khi nào thay những màu bìa ấy ?
- d) Mỗi khi được ghi tên trên bảng danh-dự, ông hiệu-trưởng đến lớp nói gì ?
- e) Khi em được ghi tên trong bảng danh-dự thì lòng em thế nào ? Em bao tin ấy với cha mẹ em thì cha mẹ em nói gì ?

KẾT-LUẬN : a) Vào đến lớp học là em đề ý đến cái bảng danh-dự.

Tại sao ?

b) Em phải học-hành thế nào đề được ghi tên vào đó ?

BÀI LÀM

Cái bảng danh-dự của lớp em treo trên tường, phía trước mặt chúng em,

Đó là miếng bìa cứng lòng trong khung kính bằng gỗ gõ màu nâu sẫm bóng loáng. Cái bảng danh-dự hình chữ nhật, dài độ năm mươi phân, rộng độ ba mươi phân. Tâm bảng màu xanh lam dịu dàng. Phía trên nổi lên ba chữ « Bảng danh-dự » màu đỏ tươi, viết theo kiểu chữ in hoa. Phía dưới, chia làm hai phần. Phần bên trái vẽ hai cành tre xanh sẫm khoe tươi trong nền trời xanh nhạt. Phần bên phải gắn bảy màu bìa nhỏ khác màu. Màu trên đề tên tháng. Dưới hai hàng song song, ba màu bìa màu hồng ghi tên ba học-sinh giỏi nhất. Ba màu bìa xanh ghi tên ba học-sinh ngoan nhất. Cứ mỗi đầu tháng những màu bìa ấy lại thay đổi tùy theo sự học-vấn và đức-hành của các học-sinh.

Đề cho các học-sinh ấy được thêm phần danh-dự, ông

hiệu-trưởng còn đến từng lớp mà khen-ngợi họ và khuyến-kích cả lớp.

Tháng vừa rồi em được ghi tên trên bảng danh-dự. Em báo tin mừng, mẹ em âu-yếm xoa đầu :

« Con mẹ ngoan lắm. Con cố gắng thêm lên. Cuối năm học được lên lớp, cha mẹ sẽ thưởng cho con một cái cặp sách thật đẹp.» Em cảm thấy sung-sướng lắm.

Mỗi lần tới lớp học là em nhìn lên tấm bảng danh-dự, nó thầm nhắc-nhở em phải chăm-chỉ học đề thầy-giáo và cha mẹ em được vui lòng.



BÀI 4

Tả cái cặp sách của em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái cặp sách của em mua tự bao giờ ? Ai mua cho em ? Nhau dịp nào ?

THÂN BÀI :

- a) Cái cặp bằng gì ? Màu gì ? Cũ hay mới ?
- b) Mặt cặp thế nào ? Nhấn hay ráp ? Dài, rộng bao nhiêu ? Mặt trước có mấy khóa ? Khóa thế nào ?
- c) Có mấy ngăn ? Ngăn to đựng gì ? Ngăn nhỏ đựng gì ?
- d) Quai xách thế nào ?
- e) Giữ-gìn : lau, đánh bóng, phơi, không vắt xuống đất.

KẾT-LUẬN : Em coi cái cặp sách như người bạn thân-cần. Vì sao ?

BÀI LÀM

Hôm khai trường đầu năm học vừa qua, chú em mua cho em một chiếc cặp da.

Cái cặp sách bằng da thuộc, màu nâu sẫm. Mùi da mới còn xông lên như mùi thuốc bắc.

Hai mặt cặp nhẵn mịn, dài độ bốn mươi phân, rộng độ ba mươi phân.

Mặt trước cặp có cái khóa bằng đồng mạ kền bóng loáng. Hai bên khóa có hai cái khuy bằng thép để luôn hai miếng da vào làm cho cái cặp chắc-chắn thêm.

Cặp có ba ngăn. Hai ngăn to đựng sách vở, sách in để riêng, vở để riêng. Ngăn nhỏ đựng hộp bút, hộp chì màu và giấy làm thủ-công. Ngăn nhỏ dính liền vào ngăn kia bởi một miếng da mỏng và mềm.

Trên nắp cặp có một cái quai bằng da dày và cứng, tay em nắm vừa vặn.

Em giữ-gìn cái cặp sách rất cẩn-thận. Chủ-nhật nào em cũng lấy xi đánh bóng. Không bao giờ em vất cặp xuống đất để cho cặp khỏi dính đất cát. Gặp lúc mưa to, em lấy áo mưa phủ ngoài cặp cho khỏi bị ướt. Về đến nhà em cất cái cặp lên ngăn kéo đóng sát tủ.

Em coi cái cặp sách như một người bạn tin-cần của em, vì nó giữ cho em các dụng-cụ cần-thiết.



BÀI 5 Tả quyền sách học vở lòng cũ của em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em lục sách vở cũ để làm gì? Em tìm thấy quyền sách vở lòng cũ ở đâu?

THÂN BÀI :

- a) Quyền sách ấy bìa màu gì? Màu đã thế nào? Ngoài bìa còn những chữ gì? Chữ thế nào?
- b) Giấy bên trong thấy giấy thế nào? Chữ thế nào? Hình vẽ thế nào? Tô màu thế nào?
- c) Mấy chữ mới học nhắc-nhở đến những kỹ-niệm gì?
- d) Ở lớp học được thầy-giáo khen.
- e) Về nhà được mẹ em kèm thêm.

KẾT-LUẬN : Nhìn thấy quyền sách cũ em nghĩ đến công thầy-giáo dạy-dỗ lúc học vở lòng.

BÀI LÂM

Sáng chủ-nhật vừa qua, em lục chồng sách cũ đem phơi. Bỗng em tìm thấy tận đáy tủ một quyền sách cũ đem phơi.

Đó là quyền sách vở lòng của em. Bìa màu xanh, đã ngả sang màu vàng khè. Bìa mềm-xù, mặt sau rách mất một nửa. Mặt trước mực loang-lổ, lèm-nhèm phủ kín cả hai chữ « Văn Vui » là tên quyền sách.

Giở vào trong xem. Các trang giấy trắng đã biến thành màu lơ-lờ nước dưa. Nhiều trang giấy rách nát. Nhiều dòng chữ bị vết tay bần bời mờ đi. Những hình vẽ đều được tô đủ màu : xanh, đỏ, vàng, tím. Những nét tô lèm-nhèm, lệch-lạc trông thật buồn cười.

Nhìn vào đó, em sực nhớ lại mới ngày nào học vở lòng. Mồm kêu oang-oác « i đi học, i đánh bi » mà mắt chẳng nhận được hình chữ gì. Có lẽ đến nửa tháng mới nhận được mặt chữ o, vì nó « trơn như quả trứng gà ».

Thế mà thỉnh-thoảng được thầy-giáo lớp năm khen là ngoan là giỏi, sao mà sướng thế. Về nhà khoe khắp mọi người. Tối đến, mẹ em ngồi khâu lại bảo em lấy sách ra học. Có lần học đến chữ « Ồ, ô-lô » em khen đẹp rồi vội-vinh đòi mua. Mẹ em vừa cười vừa nói : « Ủ ! con cố học đi. Bao giờ biết đánh vần mẹ sẽ mua cho cái ô-lô ». Rồi nào cũng vậy, mỗi lần giờ quyền « Văn Vui » ra, em mở hết trang này trang khác. Mở để xem hình vẽ hơn là nhìn vào mặt chữ. Ấy thế mà ! Luân-quần ba bốn tháng là em biết đánh vần.

Thời-gian đi mau quá. Bây giờ em đã biết làm luận, làm tỉnh đó. Nhưng nhìn vào quyền sách vở lòng này, em quên sao được thầy-giáo lớp năm cũ của em. Thấy em kiên-tâm, bình-lĩnh và ngọt-ngào lắm. Thầy chịu khó nắn-nót từng ly từng tý cho lũ học-trò « măng-sữa » như em.



BÀI 6 Tả lớp em học

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em học lớp nào? Lớp học ở chỗ nào? (Gán công, đầu dãy hay cuối dãy...)

THÂN BÀI :

a) Lớp học dài, rộng, cao độ bao nhiêu?

- b) Mái lợp bằng gì? Cũ hay mới? Tường quét vôi màu gì?
- c) Trên tường treo nhiều tranh ảnh.
- d) Cửa ra vào, cửa sổ.
- e) Bàn ghế thầy-giáo, bàn ghế học-trò.
- g) Ngồi trong lớp học-hành vui-vẻ.

KẾT-LUẬN : Em cố-gắng học-hành để xứng-đáng với quang-cảnh lớp học đẹp.

BÀI LÀM

Em học lớp Nhì. Lớp học em ở cạnh văn-phòng ông hiệu-trưởng.

Lớp em dài độ 8 thước, rộng sáu thước, cao sáu thước.

Mái lợp ngói tàn đã lốm-đốm màu xanh rêu. Tường xây gạch mới quét vôi trắng xóa. Chân tường quét vôi vàng màu gạch non.

Trên tường treo nhiều bức tranh tô màu rất đẹp : tranh khoa-học, tranh cô-tích, địa-đồ.

Lớp học có một cửa ra vào, ba cửa sổ cao và rộng. Bối vậy, lớp học lúc nào cũng thoáng hơi và sáng-sủa. Các khung cửa và cánh cửa chớp mới sơn lại màu xanh nhạt.

Trong lớp học, mười hai bộ bàn ghế học-trò và bàn ghế thầy-giáo bằng gỗ gõ, sơn màu da bò. Hai cái băng mới sơn lại màu đen láy.

Học-trò đông đến sáu chục người, thế mà lớp học vẫn im phăng-phắc. Cái cảnh sum-hạp ở lớp học vui-vẻ chẳng khác gì cảnh sum-hạp buổi tối ở trong gia-đình.

Vào đến lớp học là em phải cố-gắng để xứng-đáng với lớp học trang-hoàng đẹp-đẽ, nhưt là để khỏi phụ công giảng dạy của thầy-giáo em. Sau này, có đi học trường khác, trong óc em cũng còn ghi lại bao kỷ-niệm tốt đẹp của lớp học em.



BÀI 7

Tả nhà trường em học

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em học trường nào? Trường ấy ở đâu?

THÂN BÀI :

- a) Công trường thế nào? Có gì đặc-biệt?
- b) Trường có mấy dãy nhà? Mái cũ hay mới? Tường quét vôi màu gì? Nền cao hay thấp?
- c) Mỗi lớp có nhiều cửa sổ và một cửa ra vào.
- d) Mỗi lớp trang-hoàng thế nào? (Nói sơ-lược)
- e) Cửa lớp có biên rộng.
- g) Sân trường rộng thế nào? Đê làm gì?

KẾT-LUẬN : a) Yêu mến nhà trường vì sao?
b) Coi nhà trường như gia-đình thân-mén.

BÀI LÀM

Em đang theo học trường tiểu-học Ngã-Sáu. Trường em ở ngay đại-lộ Nguyễn tri-Phượng.

Công trường có bức tường thấp mới xây quét vôi vàng nhạt. Giữa bức tường ấy có cái cổng rộng đến bốn thước tày. Cánh cửa bằng gỗ sơn màu xanh lá cây. Trên có cái biển to bằng kẽm sơn màu xanh lơ, kẻ năm chữ thật to « Trường Tiểu-học Ngã-Sáu ».

Trường em là hai dãy nhà một tầng, chạy dài song-song đối diện nhau. Mái ngói đã phủ rêu xanh mốc-meo, loang-lổ. Nền lót xi-măng chỉ cao hơn mặt sân độ ba mươi phân.

Trường em có đến gần hai chục phòng học. Từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, mỗi phòng là ba lớp thay đổi nhau vào học. Lớp học nào cũng sáng-sủa vì có hai cửa sổ rộng-rãi và hai cửa ra vào. Trong lớp trang-hoàng bằng nhiều tranh tô màu rất đẹp.

Trước lớp học là hiên rộng tới hai thước để học-trò xếp hàng và trú nắng, trú mưa.

Giữa hai dãy phòng học là cái sân, dài đến năm mươi thước, rộng đến hai mươi thước. Gần mái hiên có hai hàng cây mới trồng. Giữa sân trường dựng một cột cờ cao đến

mười thước. Từ sáng đến chiều là quốc-kỳ bay phất-phới. Trong sân trường, giờ ra chơi, đồng hàng sáu bảy trăm học sinh. Chúng em chơi đùa, đi lại, tiếng cười, tiếng nói, tiếng giầy, tiếng guốc, ồn-ào chẳng khác gì cái chợ.

Đến trường học em thấy vui sướng lắm. Đã được vui chơi với bạn lại được mở rộng trí khôn. Bởi vậy, em coi nhà trường cũng như gia-đình thân-mến của em.

BÀI 8

Tả nhà cha mẹ em ở

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhà cha mẹ em ở đâu ? (Ở phố hay nhà quê ? Gần nơi công-cộng nào ?).

THÂN BÀI :

- a) Nhà dài, rộng bao nhiêu ?
- b) Mái bằng gì ? Cũ hay, mới ?
- c) Tường bằng gì ? Quét vôi sắc gì ?
- d) Nhiều hay ít cửa ?
- e) Nền bằng gì ? Màu gì ?
- g) Trần thế nào ?
- h) Nhà có mấy ngán ? Mỗi ngán có những đồ dùng gì ?
- i) Bếp — Buồng tắm.
- k) Vườn.

KẾT-LUẬN : Tại sao em mến nhà cha mẹ em ? (Vui-vẻ, yên-ôn)

BÀI LÀM

Nhà em ở ngay trên đại lộ Nguyễn tri-Phương, gần trường Tiểu-học Ngã-Sáu.

Nhà em dài độ hai chục thước, rộng bốn thước. Mái lợp ngói xi-măng. Tường bằng gạch cao độ năm thước. Phía trên quét vôi xanh nhạt, chân tường quét vôi nâu sẫm. Một cửa ra vào và sáu cửa sổ đều có cửa chớp sơn xanh lá cây. Nền lót gạch hoa xanh đỏ. Nhà có một tầng nhưng trần xây nên cũng đỡ nóng. Nhà em chia làm ba ngán. Ngăn ngoài cùng là phòng khách. Phòng khách bày một bộ bàn ghế bằng gỗ

gỗ đánh xi bóng loáng. Giáp tường kẻ một cái tủ sách và một chiếc tủ nhỏ đựng cốc chén. Trên tường treo một tấm lịch và mấy bức tranh sơn thủy. Kế phòng khách là phòng ngủ kẻ vải cái giường và một cái tủ áo. Kế phòng ngủ là buồng ăn, bày một bộ bàn ghế và một cái tủ đựng bát đĩa. Qua cái sân hẹp là nhà bếp và buồng tắm. Chung-quanh nhà trồng mấy cây ăn quả như đu đủ, vú sữa. Thêm thêm mấy khóm hoa huệ, hoa cúc để thưởng-thức trong những đêm trăng.

Em qui nhà cha mẹ em lắm, vì ở đây gia-đình em sớm tối sum-họp. Không kẻ giàu hay nghèo, cảnh gia-đình sum họp là cảnh vui nhất cho mọi hạng người.

BÀI 9

Tả buồng khách của nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Trong nhà em buồng khách ở chỗ nào ?

THÂN BÀI :

- a) Buồng ấy chiếm độ phần mấy của căn nhà ? Dài rộng bao nhiêu ?
- b) Trần bằng gì ? Tường bằng gì ? Nền thế nào ?
- c) Buồng, có sáng-sủa không ?
- d) Giữa buồng bày những gì ?
- e) Trần tường có trang-hoàng gì ?
- g) Cha mẹ em tiếp khách vui-vẻ thế nào ?

KẾT-LUẬN : Em thường độ -dẹp buồng khách thế nào ?

BÀI LÀM

Nhà em ở trên đại-lộ Nguyễn-tri-Phương. Ngăn nhà gần ngay lẽ đường là phòng khách.

Phòng đó chiếm độ một phần tư cả nhà em, dài độ năm thước, rộng độ bốn thước. Trần bằng xi-măng, tường bằng gạch, quét vôi xanh nhạt. Chân tường quét vôi nâu sẫm. Nền nhà lót gạch hoa xanh đỏ bóng loáng. Mặt trước có một cửa ra vào. Hai bên có hai cửa sổ trông ra vườn.

Ngay giữa phòng là chiếc bàn tròn thấp. Mặt bàn đặt một lọ hoa tươi mát. Chung-quanh bàn kê bốn chiếc ghế da.